

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		996,283,835,794	1,055,857,759,119
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15,889,357,745	92,022,035,533
1. Tiền	111		15,889,357,745	23,422,035,533
2. Các khoản tương đương tiền	112			68,600,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		121,207,152,049	81,196,491,822
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	121,207,152,049	94,077,544,763
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3		(12,881,052,941)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230,329,550,646	430,711,664,481
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	197,547,511,302	352,728,226,598
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	19,132,759,652	13,762,422,611
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		13,186,453,911	33,529,548
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	6,309,359,081	64,435,401,424
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5,846,533,300)	(247,915,700)
IV. Hàng tồn kho	140		568,964,242,385	348,530,874,788
1. Hàng tồn kho	141	V.8	568,964,242,385	348,530,874,788
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59,893,532,969	103,396,692,495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	3,622,905,558	5,171,751,901
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,515,659,698	28,571,197,598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	48,754,967,713	69,653,742,996

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán văn phòng(tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		324,963,285,940	365,075,171,030
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		164,077,288,913	176,463,289,782
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	152,049,365,042	157,594,112,148
<i>Nguyên giá</i>	222		280,348,494,313	263,270,664,970
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(128,299,129,271)	(105,676,552,822)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	1,525,840,656	5,722,161,643
<i>Nguyên giá</i>	225		2,057,313,274	8,350,827,544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(531,472,618)	(2,628,665,901)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	9,869,083,215	10,318,476,783
<i>Nguyên giá</i>	228		13,264,693,769	13,277,591,504
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,395,610,554)	(2,959,114,721)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	633,000,000	2,828,539,208
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		154,353,583,620	185,733,344,333
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	114,444,215,500	152,372,351,500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	39,000,000,000	24,682,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	16,773,428,598	16,773,428,598
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(15,864,060,478)	(8,094,435,765)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,532,413,407	2,878,536,915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	6,452,413,407	2,653,536,915
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.22	80,000,000	225,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,321,247,121,734	1,420,932,930,149

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán văn phòng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		956,585,862,493	1,049,164,867,565
I. Nợ ngắn hạn	310		898,150,024,333	967,234,768,590
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	607,695,682,090	718,466,511,597
2. Phải trả người bán	312	V.24	265,369,368,568	220,024,649,128
3. Người mua trả tiền trước	313		12,819,084,638	1,565,983,716
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	1,560,308,267	11,937,104,089
5. Phải trả người lao động	315		4,044,203,589	5,405,015,321
6. Chi phí phải trả	316	V.26	4,635,812,428	7,613,535,096
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	1,322,084,314	1,850,186,733
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.28	703,480,439	371,782,910
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		58,435,838,160	81,930,098,975
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	10,282,963,139	10,284,274,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	48,152,875,021	71,645,824,975
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364,661,259,241	371,768,062,584
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.31	364,661,259,241	371,768,062,584
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267,107,230,000	267,107,230,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,047,988,652	69,047,988,652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9,484,460,000)	(9,484,460,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,330,145,124	4,770,760,273
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,504,149,839	2,385,380,137
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		29,156,205,626	37,941,163,522
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,321,247,121,734	1,420,932,930,149

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán văn phòng (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		302,081.17	503,599.24
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG

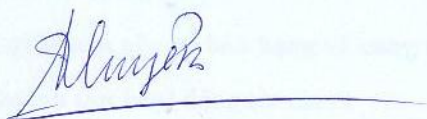
Quý IV Năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	ch	minh	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	457,347,461,300	598 954 341 859	1,659,717,285,704	2,001,982,912,853
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		380,782,409	967 714 177	3,017,468,771	2,303,050,231
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		456,966,678,891	597,986,627,682	1,656,699,816,933	1,999,679,862,622
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	384,884,675,756	541 817 331 055	1,460,254,990,007	1,798,204,696,900
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72,082,003,135	56,169,296,627	196,444,826,926	201,475,165,722
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,831,264,582	4 439 939 195	19,547,079,217	15,352,872,973
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	35,413,303,745	25 722 014 895	98,445,336,440	119,113,854,633
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,355,517,368	22 486 492 582	72,632,112,071	109,016,868,278
8 Chi phí bán hàng	24	VI.5	28,619,574,452	18 674 065 876	81,245,383,814	55,980,881,196
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,121,808,721	9 626 831 158	33,760,579,105	28,619,197,226
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1,758,580,799	6,586,323,893	2,540,606,784	13,114,105,640
11 Thu nhập khác	31	VI.7	32,478,429	393 454 323	47,721,980	707,852,294
12 Chi phí khác	32	VI.8	8,711,638	16 283 864	66,177,298	353,055,795
13 Lợi nhuận khác	40		23,766,791	377,170,459	(18,455,318)	354,796,499
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,782,347,590	6,963,494,352	2,522,151,466	13,468,902,139
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		249,985,332	2 308 256 473	1,096,478,442	3,542,695,956

Kết quả kinh doanh văn phòng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,532,362,258	4,655,237,879	1,425,673,024	9,926,206,183
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Tôn Thị Thiện An

Lập ngày 14 tháng 12 năm 2014

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà



Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tai ngày 31 tháng 12 năm 2013

(32,083,064,854)

Cho quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Văn phòng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Th uyế	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(2,156,691,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,526,995,153,152	1,554,008,632,432
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,661,659,691,259)	(1,576,800,958,180)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,126,224,814)	(1,698,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,798,398,900)	(12,997,331,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(143,589,161,821)	(39,644,348,248)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(76,180,371,933)	49,193,169,020
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	92,022,035,533	43,118,914,141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		47,694,145	(290,047,628)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	15,889,357,745	92,022,035,533

Lập ngày 14 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG

Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại.
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:** Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương Năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 637 nhân viên đang làm việc .

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

11. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

- Quỹ dự phòng tài chính Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 01/01/2013 : 20.810 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VĂN PHÒNG.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	92,886,036	24,058,879
Tiền gửi ngân hàng	15,796,471,709	23,397,976,654
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		68.600.000.000
Cộng	15,889,357,745	92,022,035,533

(*) Trong đó: Tiền gửi tại tài khoản phong tỏa

5.000.000.000

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn			1.180.600	23.111.352.941
<i>HSG</i>			<i>100.000</i>	<i>1.980.000.000</i>
<i>PET</i>			<i>210.000</i>	<i>3.822.000.000</i>
<i>PVX</i>			<i>640.600</i>	<i>12.824.352.941</i>
<i>VND</i>			<i>230.000</i>	<i>4.485.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác		121,207,152,049		70.966.191.822
<i>Cho công ty Cổ phần Hiway Việt Nam vay (i)</i>		<i>6,999,168,447</i>		<i>5.912.046.922</i>
<i>Cho công ty CP XNK và XD Việt Nam – Vinaconex (ii)</i>		<i>88,162,866,067</i>		<i>44.970.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng(iii)</i>		<i>26,045,117,535</i>		<i>20.084.144.900</i>
Cộng		121,207,152,049		94.077.544.763

(i) Là khoản cho vay của hợp đồng số 02/2011/HDVT ngày 02 tháng 01 năm 2012, theo đó Công ty Cổ Phần Hiway Việt Nam vay số tiền là : 15.000.000.000 đồng trong vòng 01 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Ngày 02/01/2013 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHDVT gia hạn thời hạn cho vay đến ngày 02/01/2014, Phụ lục số 02/2013/PLHDVT ngày 01/03/2013 thay đổi lãi suất cho vay tính theo lãi suất ngắn hạn bình quân hiện tại mà Công ty đang vay tại các Ngân hàng, Phụ lục hợp đồng số 01092013 ngày 01/09/2013 chuyển toàn bộ số tiền lãi vay tính đến 31/08/2013 sang nợ gốc vay. Tại thời điểm 31/12/2013 công ty đã cho vay số tiền là: 6.999.168.447 đồng.

(ii) Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HDVT ngày 18/11/2011 về việc cho vay giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex, lãi suất bằng lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng VCB. Ngày 18/11/2012 hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/2012/PLHDVT về bổ sung số tiền cho vay là 20.000.000.000 đồng, Phụ lục hợp đồng số 02/2013/PLHDVT ngày 01/03/2013 về thay đổi lãi suất cho vay bằng lãi suất vay ngắn hạn bình quân hiện tại mà Công ty đang vay tại các Ngân hàng, Phụ lục HĐ số 01092013 ngày 01/09/2013 chuyển toàn bộ số tiền lãi vay tính đến 31/08/2013 sang nợ gốc vay. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 giá trị khoản vay là : 88.162.866.067VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

- (iii) Là khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVT ngày 06 tháng 01 năm 2011, theo đó Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng vay số tiền là 10.000.000.000 VND trong vòng 02 năm, lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân.

Công ty đã ký bổ sung các phụ lục của hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVT ngày 05 tháng 09 năm 2011 về việc bổ sung số tiền cho vay là: 5.000.000.000VND, Phụ lục HĐ ngày 25/12/2012 thay đổi thời hạn cho vay mới là 01 năm tính từ ngày 25 tháng 12 năm 2012, Phụ lục HĐ ngày 17/06/2013 bổ sung số tiền cho vay là: 1.000.000.000,VND, Phụ lục HĐ ngày 22/10/2013 bổ sung tiền vay là: 2.500.000.000,VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 giá trị khoản vay bao gồm cả lãi vay là: 26.045.117.535,VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(12.881.052.941)	(15.997.709.786)
Hoàn nhập dự phòng	13.027.232.941	3.116.656.845
Trích lập dự phòng bổ sung	(146.180.000)	
Số cuối kỳ		(12.881.052.941)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	197,547,511,302	352.728.226.598
Trả trước cho người bán	19,132,759,652	13.762.422.611
Cộng	216,680,270,954	366.490.649.209

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu công ty con về cổ tức và lợi nhuận được chia		7.367.939.072
Phải thu lãi tiền cho vay	3,455,839,057	9.304.757.844
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	53,163,361	118.052.870
Phải thu về chuyển nhượng vốn		45.940.000.000
Phải thu tiền bồi thường, hỗ trợ đất tại KCN NM Phùng	2.419.200.000	
Các khoản phải thu khác, thuế GTGT chưa khấu trừ	381,156,663	1.704.651.638
Cộng	6,309,359,081	64.435.401.424

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	5,598,617,600	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm		47.915.700
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	247.915.700	200.000.000
Cộng	5,846,533,300	(247.915.700)
7. Hàng tồn kho		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	40,436,098,661	21.597.834.201
Nguyên liệu, vật liệu	401,884,968,311	218.099.938.170
Công cụ, dụng cụ	10,065,300,845	7.004.804.889
Thành phẩm	97,118,770,396	100.168.773.272
Hàng hóa	19,459,104,172	1.659.524.256
Cộng	568,964,242,385	348.530.874.788
8. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	265,622,441	237.775.118
Chi phí quảng cáo,biển hiệu	1 039 633 079	1.529.436.020
Chi phí công cụ, dụng cụ	599,512,972	483.833.932
Chi phí thuê nhà	286 943 264	501.506.831
Chi phí khác	1,431,193,802	2.419.200.000
Sửa chữa TB, nhà VP		
Cộng	3,622,905,558	5.171.751.901
9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
10. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	38,675,977,118	58.549.851.362
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10,061,956,592	11.102.098.377
Tài sản thiếu chờ xử lý	17,034,003	1.793.257
Cộng	48,754,967,713	69.653.742.996

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	63.244.533.944	161.328.767.092	31.781.243.307	6.916.120.627	263.270.664.970
Tăng trong năm	210,986,000	15,115,186,629	3,716,363,640	841,571,173	19,884,107,442
<i>Mua sắm mới</i>	<i>210 986 000</i>	<i>3 728 673 491</i>	<i>3 716 363 640</i>	<i>80 909 157</i>	<i>7,736,932,288</i>
<i>ĐTXDCB hoàn thành</i>		<i>5.086.998.868</i>		<i>760.662.016</i>	<i>5.847.660.884</i>
<i>Mua lại TSCĐ TTC</i>		<i>6.299.514.270</i>			<i>6.299.514.270</i>
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC		(1.469.046.503)	(10.000.000)	(1.327.231.596)	(2.806.278.099)
Số cuối kỳ	63.455.519.944	174,974,907,218	35.487.606.947	6.430.460.204	280,348,494,313
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.842.355.914	83.836.162.892	11.546.300.145	3.451.733.871	105.676.552.822
Tăng do khấu hao trong năm	1 878 691 820	18 749 170 516	3 476 564 129	1 171 317 504	25,275,743,969
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC		(1.469.046.503)	(4.587.817)	(1.179.533.200)	(2.653.167.520)
Số cuối kỳ	8,721,047,734	101,116,286,905	15,018,276,457	3,443,518,175	128,299,129,271
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	56.402.178.030	77.492.604.200	20.234.943.162	3.464.386.756	157.594.112.148
Số cuối kỳ	54,734,472,210	73,858,620,313	20,469,330,490	2,986,942,029	152,049,365,042

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Thuê tài chính trong năm			
Giảm do Mua lại TSCĐ TTC	(6.293.514.270)		(6.293.514.270)
Số cuối kỳ		2.057.313.274	2.057.313.274
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.302.924.619	325.741.282	2.628.665.901
Tăng trong năm do khấu hao	320.811.346	205 731 336	526,542,682

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Giảm do mua lại TSCĐ TTC	(2.623.735.965)		(2.623.735.965)
Số cuối kỳ		531,472,618	531,472,618
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.990.589.651	1.731.571.992	5.722.161.643
Số cuối kỳ		1,525,840,656	1,525,840,656

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	11.160.608.991	2.116.982.513	13.277.591.504
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC		(12.897.735)	(12.897.735)
Số cuối kỳ	11.160.608.991	2.104.084.778	13.264.693.769
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.370.708.594	1.588.406.127	2.959.114.721
Khấu hao trong năm	51 472 344	397 921 224	449,393,568
Giảm do không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo TT số 45/2013/TT-BTC		(12.897.735)	(12.897.735)
Số cuối kỳ	1,422,180,938	1,973,429,616	3,395,610,554
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.789.900.397	528.576.386	10.318.476.783
Số cuối kỳ	9,738,428,053	130,655,162	9,869,083,215

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2.042.575.484	517.185.480	1,926,760,964	633,000,000
XDCB dở dang	785.963.724	5,204,076,778	5,990,040,502	
<i>CT xử lý nước thải</i>	<i>760.662.016</i>		<i>760.662.016</i>	
<i>Đầu tư SX bồn nhựa</i>	<i>25.301.708</i>	<i>5,204,076,778</i>	<i>5,229,378,486</i>	
<i>SX phim quảng cáo</i>		<i>900,480,000</i>	<i>900,480,000</i>	
Sửa chữa tài sản cố định				0
Cộng	2.828.539.208	6,621,742,258	7,916,801,466	633,000,000

15. Đầu tư vào công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾			4.080.000	40.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱⁱ⁾	4.547.647	110.917.351.500	4.547.647	110.917.351.500
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾		3,526,864,000		655.000.000
Cộng		114,444,215,500		152.372.351.500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND). Trong tháng 11/2013 Công ty đã bán 1.680.000 cổ phiếu, vậy số cổ phiếu còn lại là: 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ, vậy Công ty đã chuyển phần vốn góp vào Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn sang góp vốn đầu tư liên kết.

(ii) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng) để nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 71,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.

Toàn bộ số cổ phiếu trên được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã góp 3.526.864.000 VND vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai. Số vốn còn phải góp là 6.473.136.000 VND.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	1.500.000	15.000.000.000	1.500.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾			968.200	9.682.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.400.000	24,000,000,000	968.200	9.682.000.000
Cộng		39,000,000,000		24.682.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

- (ii) Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà để nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà. Công ty đã chuyển nhượng số cổ phiếu 968.200 cổ phiếu theo Hợp đồng số 1909/2013/HĐ-SHI-LVT ngày 19/09/2013.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND). Trong tháng 11/2013 Công ty đã bán 1.680.000 cổ phiếu, vậy số cổ phiếu còn lại là: 2.400.000 cổ phiếu tương ứng 30% vốn điều lệ, vậy Công ty đã chuyển phần vốn góp vào Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn sang góp vốn đầu tư liên kết.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		4.210.000.000		4.210.000.000
Công ty Bất động sản Havico(i)		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty CP Hiway Việt Nam (ii)		1.500.000.000		1.500.000.000
Cho vay dài hạn		12.563.428.598		12.563.428.598
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱⁱⁱ⁾		12.563.428.598		12.563.428.598
Cộng		16.773.428.598		16.773.428.598

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105624598 ngày 10 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam 7.500.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã góp đủ 7.500.000.000 VND. Tuy nhiên thực hiện Nghị quyết số 151011/2011/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 11 năm 2011 liên quan đến việc xem xét tính khả thi và lợi nhuận dự án mang lại để quyết định về thời hạn đầu tư, ngày 25 tháng 12 năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và quyết định chuyển nhượng 600.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam. Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1695/2012/HĐ-SHI ngày 26 tháng 11 năm 2012 với ông Lê Việt Quang. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 Công ty chỉ còn sở hữu 150.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam, tương đương với 15% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Hợp đồng thanh toán công nợ số 0207A/2011/HĐ - PC giữa Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – Vinaconex (Bên A), Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Bên B), Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex (Bên C) ngày 25 tháng 7 năm 2011, bên B sẽ trả nợ thay bên C số tiền mà bên C còn nợ bên A đến thời điểm đến thời điểm 24 tháng 7 năm 2011 là: 30.874.000.000 VND. Hiện nay công ty đã trả 1 phần công nợ và tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 còn nợ là: 12.563.428.598 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các Công ty con	(15,864,060,478)	(7.867.578.929)
<i>Công ty CP đầu tư TM và KD Vinaconex</i>	(15,864,060,478)	(7.867.578.929)
Dự phòng khoản lỗ của các Công ty liên kết		(226.856.836)
<i>Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà</i>		(226.856.836)
Cộng	(15,864,060,478)	(8.094.435.765)

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí Bảo hiểm		91,004,545	18,200,919	72,803,626
Công cụ dụng cụ	1.263.277.360	2.096.254.923	1,757,431,302	1,602,100,981
Phí thuê nhà		200 000 000	27.956.991	172.043.009
Sửa chữa thiết bị, VP		237.044.911	71.036.325	166.008.586
Chi phí quảng cáo		4 228 000 000	363,726,667	3,864,273,333
Các chi phí khác	1.390.259.555	737,747,000	1,552,822,683	575,183,872
Cộng	2.653.536.915	7,590,051,379	3,791,174,887	6,452,413,407

20. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	582,050,265,854	638.583.727.979
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	82,016,375,979	89.260.551.214
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		13.846.467.100
Ngân hàng TMCP Hàng hải	91,953,676,022	74.541.917.046
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	32,073,171,964	65.242.356.316
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	188,580,278,767	202.851.888.718
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	79,247,116,652	63.900.365.026
Ngân hàng ĐT và PT VN –CN Hà Tây	108,179,646,470	115.940.182.559
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội		13.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	25,171,416,236	28.756.558.804
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch		1.081.918.712
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2,558,628,000	4.055.580.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vắn phòng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	1,144,938,236	1.130.648.920
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	725,600,000	2.382.411.172
Ngân hàng TMCP Quân đội-CN Mỹ Đình	742,250,000	106.000.000
Ngân hàng TMCP ĐTP TVN-CN Hà Tây	20,000,000,000	20.000.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	474,000,000	1.126.224.814
Trái phiếu phát hành đến hạn trả		50.000.000.000
Cộng	607,695,682,090	718.466.511.597

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	638.583.727.979	28.756.558.804	1.126.224.814	50.000.000.000	718.466.511.597
Tiền vay phát sinh trong năm	1517 104 620 183				1,517,104,620,183
Số kết chuyển		25,648,603,736	474,000,000		26,122,603,736
Tăng khác (CLTG)	4 072 449 667	82,166,460			4,154,616,127
Giảm khác (CLTG)	589,484,512	39,880,802			629,365,314
Tiền vay đã trả trong năm	1,577,121,047,463	29,276,031,962	1,126,224,814	50.000.000.000	1,657,523,304,239
Số cuối kỳ	582,050,265,854	25,171,416,236	474,000,000		607,695,682,090

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	265,369,368,568	220.024.649.128
<i>Trong nước</i>	<i>110,890,976,609</i>	<i>120.367.081.697</i>
<i>Nước ngoài</i>	<i>154,478,391,959</i>	<i>99.657.567.431</i>
Người mua trả tiền trước	12,819,084,638	1,565,983,716
Cộng	278,188,453,206	221.590.632.844

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm và giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa		1,331,270,093	1,331,270,093	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm và giảm khác	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	4.070.499.596	55,210,166,985	59,280,666,554	27
Thuế xuất, nhập khẩu	64.794.066	1,463,459,142	1,603,850,956	(75,597,748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,142,002,819	1,096,478,442	2,988,495,929	249,985,332
Thuế thu nhập cá nhân	78,450,547	1,015,618,902	741,228,653	352,840,796
Tiền thuê đất	5.575.357.061	3,635,473,680	8,177,750,881	1,033,079,860
Các loại thuế khác	6.000.000		6.000.000	
Cộng	11,937,104,089	63,752,467,244	74,129,263,066	1,560,308,267

Trong đó:

	Số đầu năm	Số cuối kỳ
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	11,937,104,089	1,560,308,267
Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
Cộng	11,937,104,089	1,560,308,267

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,522,151,466	13,468,902,139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1,863,762,300	701,881,685
Các khoản điều chỉnh tăng	2,199,762,300	2,366,706,526
- Chi phí không hóa đơn, không hợp lệ	1,680,315,674	1,540,063,694
- Loại chi phí khấu hao xe	493,777,022	493,777,022
- Lỗ do đánh giá lại tiền và công nợ phải thu	25,669,604	332,865,810
Các khoản điều chỉnh giảm	(336.000.000)	(1,664,824,841)
- Thu nhập từ chia cổ tức	(336.000.000)	(578,000,000)
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước		(1.086.824.841)
Thu nhập tính thuế	4,385,913,766	14,170,783,824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo thuế suất phổ thông	1,096,478,442	3,542,695,955
Điều chỉnh tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1,096,478,442	3,542,695,955

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTND-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1,292,157,629	6.763.338.458
Chi phí bảo hành	104,028,591	55.275.820
Chi phí hàng khuyến mại	1,574,529,106	556.349.092
Chi phí của các Chi nhánh	1,610,140,211	
Chi phí khác	54,956,891	238.571.726
Cộng	4,635,812,428	7.613.535.096

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	1,152,348	141.484.982
Kinh phí công đoàn	1,081,549,036	604.215.454
Phải trả khác	239,382,930	1,104,486,297
Cộng	1,322,084,314	1,850,186,733

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Hoàn nhập trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	346.252.410	394,687,529	62,990,000		677,949,939
Quỹ phúc lợi	25.530.500				25.530.500
Cộng	371.782.910	394,687,529	62,990,000		703,480,439

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	982,963,139	984.274.000
Nhận góp vốn đầu tư vào công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	9.300.000.000
Cộng	10,282,963,139	10.284.274.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính vắn phòng (tiếp theo)**28. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	47,966,448,021	70.985.397.975
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		725.600.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch	5,378,115,869	7.880.666.615
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	39,800,000,000	59.800.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội-Mỹ Đình	1,643,562,500	318.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	1,144,769,652	2.261.131.360
Nợ thuê tài chính	186,427,000	660.427.000
Công ty cho thuê tài chính – Ngân hàng Công thương Việt Nam	186,427,000	660.427.000
Cộng	48,152,875,021	71.645.824.975

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	47,966,448,021		47,966,448,021	
Thuê tài chính	186,427,000		186,427,000	
Cộng	48,152,875,021		48,152,875,021	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn cá nhân	Thuê tài chính	Trái phiếu	Cộng
Số đầu năm	70.985.397.975		660.427.000		71.645.824.975
Số tiền vay phát sinh	2.545.000.000	5.262.611.834			7.807.611.834
Số đã trả		5.262.611.834			5.262.611.834
Tăng khác (CLTG)	105.897.698				105.897.698
Giảm khác (CLTG)	21,243,916				21,243,916
Số kết chuyển	25,648,603,736		474,000,000		26,122,603,736
Số cuối kỳ	47,966,448,021	0	186,427,000	0	48,152,875,021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

31.Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)		4.770.760.273	2.385.380.137	37,941,163,522	371,768,062,584
Mua cổ phiếu quỹ								
Lợi nhuận trong năm							1,425,673,024	1,425,673,024
Hoàn nhập quỹ khen thưởng								
Trích lập các quỹ					559.384.851	1.118.769.702	(1.790.031.523)	(111.876.970)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước								
Chia cổ tức							(7,798,398,900)	(7,798,398,900)
Chuyển lỗ từ CN HCM về CTY							(622,200,497)	(622,200,497)
Số dư cuối kỳ này	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	0	5.330.145.124	3.504.149.839	29,156,205,626	364,661,259,241

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
Cộng	267.107.230.000	267.107.230.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	716.060	716.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.994.663	25.994.663

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẦN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VĂN PHÒNG

1. Doanh thu

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	23,780,192,399	31,867,823,406
Doanh thu bán thành phẩm	432,699,348,283	566,503,250,938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	867,920,618	583,267,515
Cộng	457,347,461,300	598,954,341,859
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(380,782,409)	(967,714,177)
Chiết khấu thương mại	(212,698,237)	
Giảm giá hàng bán	(31,899,838)	(15,287,455)
Hàng bán bị trả lại	(136,184,334)	(952,426,722)
Doanh thu thuần	456,966,678,891	597,986,627,682

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	16,244,712,308	21,585,692,190
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	368,554,129,590	520,241,141,768
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	85,833,858	88,136,743
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(97,639,646)
Cộng	384,884,675,756	541,817,331,055

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,234,852,397	2,323,332,850
Cổ tức, lợi nhuận được chia		150,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,402,772,185	996,694,691
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		969,911,654
Doanh thu hoạt động tài chính khác	193,640,000	
Cộng	4,831,264,582	4,439,939,195

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	17,355,517,368	22,486,492,582
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	206,380,034	296,323,804
Lỗ thanh lý công ty con	10,080,000,000	
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	7,769,624,713	2,564,507,913
Chi phí tài chính khác	1,781,630	374,690,596
Cộng	35,413,303,745	25,722,014,895

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5,674,206,436	3,928,204,955
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	333,280,020	738,820,306
Chi phí vật liệu quản lý		175,448,673
Chi phí khấu hao TSCĐ	531,445,868	92,565,440
Chi phí bảo hành	315,275,290	288,869,437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,782,602,660	2,571,270,941
Chi phí bằng tiền khác	18,982,764,178	10,878,886,124
Cộng	28,619,574,452	18,674,065,876

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1,543,685,045	3,266,313,427
Chi phí đồ dùng văn phòng	101,927,454	289,717,477
Chi phí khấu hao TSCĐ	921,269,548	692,176,957
Thuế, phí và lệ phí	2,003,392	172,328,205
Chi phí dự phòng	5,598,617,600	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	684,604,558	72,081,040
Chi phí bằng tiền khác	2,269,701,124	5,134,214,052
Cộng	11,121,808,721	9,626,831,158

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		131,031,098
Bồi thường hàng lỗi	25,362,000	45,873,334
Khác	7,116,429	216,549,891
Cộng	32,478,429	393,454,323

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí khác	8,711,638	16,283,864
Cộng	8,711,638	16,283,864

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Tạm ứng đầu tư dự án	61,398,327,000	150,514,380,000
Thanh toán tạm ứng	80,058,327,000	180,897,080,000

Ban điều hành

Tạm ứng

Thanh toán tạm ứng

Ủy thác đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	37,647,162,629	56.307.162.629
Ban điều hành		
Cộng nợ phải thu	37,647,162,629	56.307.162.629

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex	Công ty con
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VẤN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa, thành phẩm	214,159,178,566	205,686,030,076
Cho thuê tài sản	121,134,540	121,134,540
Mua lại tài sản của công ty con	670.385.606	10.000.000
Bán TSCĐ, CCDC		54.100.000
Thuê tài sản của công ty con	159,443,790	159,443,880
Mua vật tư của Sơn Hà Sài Gòn	5,154,552,462	1,394,937,080
Vận chuyển hàng hóa	2,821,000	

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex

Cho vay	29,560,907,067	57,533,428,598
Lãi cho vay	3,218,107,000	6,653,252,725
Chuyển tiền lãi sang nợ gốc vay	13.631.959.000	
Thu nợ gốc		

Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai

Góp vốn bằng tiền	2,871,864,000	655,000,000
-------------------	---------------	-------------

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Cho vay vốn	3,500,000,000	
Lãi cho vay	2,417,583,780	2,439,127,929

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn</i>	57,936,105,579	102.330.091.527
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	57,936,105,579	94.962.152.455
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia		7.367.939.072
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex</i>	103,944,401,665	66.118.222.598
Phải thu về cho vay dài hạn	12.563.428.598	12.563.428.598
Phải thu về cho vay ngắn hạn	88,162,866,067	44.970.000.000
Phải thu về lãi vay	3,218,107,000	8.584.794.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VĂN PHÒNG

Cho Quý IV năm tài chính 2013, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính văn phòng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	26,045,117,535	20.084.144.900
Phải thu về cho vay dài hạn	23,584,144,900	20.084.144.900
Phải thu về lãi cho vay	2,460,972,635	
Cộng nợ phải thu	187,925,624,779	188,532,459,025

Lập, ngày 14 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Thanh Huyền

Tôn Thị Thiện An

Lê Hoàng Hà